

Bản án số: **76/2026/HS-PT**  
Ngày: 30 - 3 - 2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Huỳnh Văn Phú**

*Các Thẩm phán:* Ông **Đình Tấn Long**

Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Huỳnh Thái Ngọc Nhật** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Mỹ Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 318/2025/TLPT-HS ngày 29 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo **Nguyễn Văn S**, do có kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn S** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2025/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

**Nguyễn Văn S**, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1959, tại thành phố Đà Nẵng; giới tính: Nam; nơi cư trú: **Số A X, tổ C, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, Đà Nẵng)**; nghề nghiệp: Kinh doanh (*Giám đốc Trung tâm G (GDNN GTVT) – Chi nhánh Công ty cổ phần G1*); Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 119-QĐ/UBKTTU ngày 09/7/2024 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy T1); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông **Nguyễn Văn N** và bà **Trần Thị C** (đều đã chết); có vợ **Đoàn Thị Kim C1** và 03 con (con lớn nhất, sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2006).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” từ ngày 27/6/2024 đến ngày 30/8/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo: **Đào Ngọc L** và **Lê Thủy T** không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**Công ty Cổ phần Giao thông vận tải tỉnh G1**, đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 30/01/1999, có trụ sở tại địa chỉ: **Quốc lộ A, Khối phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**, người đại diện theo pháp luật là ông **Huỳnh Anh D**.

Năm 2005, **Công ty Cổ phần G1** thành lập **Trung tâm G**, từ ngày 25/7/2022 đến nay đổi tên là **Trung tâm G - Chi nhánh Công ty cổ phần G1** (theo Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh Q).

Ngày 16/9/2010, Nguyễn Văn S được bổ nhiệm làm Giám đốc Trung tâm G (theo Quyết định số 15/QĐ.HĐQT-CT của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần G1). Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 của Điều lệ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp thì Giám đốc Trung tâm G phải được Chủ tịch UBND cấp tỉnh công nhận chức danh giám đốc Trung tâm G. Đến ngày 28/12/2023, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Q ban hành Quyết định số 27679/QĐ-LĐTBXH công nhận Nguyễn Văn S giữ chức danh Giám đốc Trung tâm.

Ngày 13/02/2018, Trung tâm G được Sở Giao thông vận tải tỉnh Q cấp giấy phép đào tạo lái xe số 302/SGTVT-QLVT,PT&NL được phép đào tạo lái xe hạng B1, B2, C, D với Lưu lượng 966 học viên. Ngày 19/12/2018, Sở Giao thông vận tải tỉnh Q cấp giấy phép đào tạo lái xe số 3524/SGTVT-QLVT,PT&NL được phép đào tạo lái xe hạng B1, B2, C, D với lưu lượng 996 học viên. Ngày 07/6/2021, Sở Giao thông vận tải tỉnh Q cấp giấy phép đào tạo lái xe số 1662/SGTVT-QLVT, PT&NL được phép đào tạo lái xe hạng B1, B2, C, D với lưu lượng 1196 học viên. Ngày 06/12/2022, Sở Giao thông vận tải tỉnh Q cấp giấy phép đào tạo lái xe số 3835/SGTVT-QLVT,PT&NL được phép đào tạo lái xe hạng B1, B2, C, D với lưu lượng 1196 học viên.

Quá trình đào tạo học viên, Trung tâm G căn cứ vào các tiêu chí như: chương trình đào tạo lái xe được quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ G2 quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019; Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 22/04/2022 của Bộ G2 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 12/2017/TT-BGTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; tiêu chuẩn giáo viên đủ điều kiện giảng dạy theo quy định đã được ký hợp đồng giảng dạy; danh sách xe tập lái sở hữu của Trung tâm và xe tập lái Trung tâm đã ký hợp đồng với giáo viên; số lượng học viên nộp hồ sơ dự học lái xe của từng khoá. Sau đó, Ban lãnh đạo Trung tâm X (bao gồm thời gian đào tạo, số lượng học viên, phân phối giờ học, lịch học toàn khoá, danh sách giáo viên, xe tập lái). Từ cuối năm 2020, số lượng học viên đăng ký đầu vào học lái xe ô tô tại Trung tâm tăng cao, tuy nhiên theo quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ G2 quy định: Chương trình đào tạo mỗi giáo viên được dạy tối đa là 10 học viên/khóa (hạng B2), 16 học viên/khóa (hạng C). Theo đó, số lượng giáo viên dạy thực hành (dạy tập lái), số lượng giáo viên dạy lý thuyết, số lượng xe số sàn và xe số tự động của Trung tâm không đủ để đào tạo theo số lượng học viên đăng ký đầu vào. Để đảm bảo đào tạo được tất cả học viên đăng ký đầu vào theo đúng quy định hiện hành, đồng thời giảm chi phí quản lý, tạo việc làm cho giáo viên dạy thực hành, tăng doanh thu cho Trung tâm nên Nguyễn Văn S – Giám đốc Trung tâm cùng với Lê Thủy T và Đào Ngọc L – Phó giám đốc Trung tâm cùng nhau bàn bạc, thống nhất chủ trương là đưa những giáo viên hợp thức và xe hợp thức vào hồ sơ đào tạo dạy lái xe. Nguyễn Văn S thống nhất mức chi thù lao cho giáo viên hợp thức từ 2.000.000đ đến 3.500.000 đồng/tháng, đối với giáo viên hợp thức viết sổ theo dõi thực hành lái xe (do giáo viên làm việc tại Trung tâm giới thiệu vào) thì chi từ 500.000 đồng đến 850.000 đồng/tháng/học viên; đối với xe số tự động hợp thức Trung tâm sẽ chi cho chủ phương tiện từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/xe/tháng (tùy thuộc vào xe mới hay xe cũ), xe số sàn chi từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng/học viên/khóa học. Tổng cộng, từ tháng 10/2020 đến tháng 4/2023, Trung tâm đã tuyển sinh, đào tạo cấp Chứng chỉ sơ cấp nghề được 46 khóa hạng B2, C cho 6.620 học viên đủ điều kiện dự sát hạch cấp giấy phép lái xe.

Kết quả điều tra xác định:

Từ tháng 10/2020 đến tháng 4/2023, Nguyễn Văn S, Lê Thủy T, Đào Ngọc L đã trực tiếp làm giả 46 kế hoạch đào tạo, 110 quyết định phân công giáo viên dạy thực hành lái xe, 110 sổ theo dõi dạy thực hành lái xe, 96 sổ lên lớp dạy lý thuyết của 46 khóa đào tạo với số lượng 894 học viên (BL từ 561 -1700), thu lợi bất chính với tổng số tiền là 943.977.365 đồng. Theo đó, S, L, T đã thống nhất đưa 23 giáo viên không dạy thực tế (trong đó có 17 người nằm ngoài trung tâm, 04 nhân viên của Trung tâm đủ điều kiện giảng dạy và 02 giáo viên của Trung tâm đang nghỉ để giải quyết việc gia đình) và 07 phương tiện xe ô tô tập lái không thuộc biên chế của Trung tâm để làm phù hợp hồ sơ giảng dạy. Cụ thể: Nguyễn Văn S: Theo chủ trương đã được thống nhất, S giao T soạn thảo hợp đồng thuê phương tiện xe ô tô tập lái và hợp đồng thuê giáo viên trình S ký; giao L lập kế hoạch đào tạo và hoàn chỉnh hồ sơ đào tạo từng khóa theo các hợp đồng thuê phương tiện xe ô tô tập lái và hợp đồng thuê giáo viên mà T soạn thảo (Sáu ký phê duyệt). S trực tiếp ký 07 hợp đồng thuê phương tiện thuê xe ô tô tập lái với 07 chủ phương tiện, 23 hợp đồng giảng dạy với 23 giáo viên, 109 quyết định phân công giáo viên dạy thực hành, 02 kế hoạch đào tạo, 02 tờ trình điều chỉnh kế hoạch đào tạo.

Số tiền thu lợi bất chính là 943.977.365 đồng thì Nguyễn Văn S chỉ đạo các nhân viên nộp về Công ty để phục vụ các hoạt động chung như chi trả lương, các hoạt động khác,...

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2025/HS-ST ngày 19/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ: Điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 27/6/2024 đến ngày 30/8/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/11/2025, bị cáo Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật. Đồng thời, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 33 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

**NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Nguyễn Văn S** có đơn kháng cáo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Nguyễn Văn S** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết.

Lời khai nhận tội của bị cáo **Nguyễn Văn S** phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

**Trung tâm G** (Sau đây viết tắt là: **Trung tâm G3**) – Chi nhánh **Công ty cổ phần G1**, được cấp phép đào tạo nghề lái xe ô tô hạng B1, B2, C, D, do **Nguyễn Văn S** làm Giám đốc và các Phó giám đốc là **Lê Thủy T**, **Đào Ngọc L**. Chương trình đào tạo lái xe được quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của **Bộ G2** quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 và Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 22/04/2022 của **Bộ G2** sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 12/2017/TT-BGTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

Theo đó, chương trình đào tạo mỗi giáo viên được dạy tối đa là 10 học viên/khóa (hạng B2), 16 học viên/khóa (hạng C). Từ đầu năm 2020, nhu cầu người học tăng cao nhưng số lượng giáo viên dạy thực hành (dạy tập lái), số lượng giáo viên dạy lý thuyết, số lượng xe số sàn và xe số tự động của Trung tâm không đủ để đào tạo theo số lượng học viên đăng ký đầu vào. Để đảm bảo đào tạo được tất cả học viên đăng ký đầu vào theo đúng quy định hiện hành, đồng thời giảm chi phí quản lý, tạo việc làm cho giáo viên dạy thực hành, tăng doanh thu cho Trung tâm nên **Nguyễn Văn S** cùng với **Lê Thủy T** và **Đào Ngọc L** cùng nhau bàn bạc, thống nhất chủ trương là đưa những giáo viên hợp thức và xe hợp thức vào hồ sơ đào tạo dạy lái xe.

Theo đó, **Nguyễn Văn S** cùng **Lê Thủy T** và **Đào Ngọc L** đã bàn bạc, thống nhất làm giả 46 kế hoạch đào tạo, 110 quyết định phân công giáo viên dạy thực hành lái xe, 110 sổ theo dõi dạy thực hành lái xe, 96 sổ lên lớp dạy lý thuyết của 46 khóa đào tạo với 894 học viên, thu lợi bất chính 943.977.365 đồng. Số tiền này, các bị cáo nộp về Công ty để phục vụ cho các hoạt động chung của Công ty.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2025/HS-ST ngày 19/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng đã kết án bị cáo **Nguyễn Văn S** về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo của bị cáo **Nguyễn Văn S**, thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 đồng thời áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** mức hình phạt 33 tháng tù là có căn cứ pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, bị cáo là người chủ mưu cầm đầu trong vụ án có tổ chức, do đó, không đủ điều kiện được hưởng án treo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn S**, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Văn S là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2025/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng về hình phạt.

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giam trước đó từ ngày 27/6/2024 đến ngày 30/8/2024.

3. Bị cáo Nguyễn Văn S được miễn tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/3/2026).

**Nơi nhận:**

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng PV06 Công an thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Phú**